

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): 1C24TKC

Số (Invoice No): 97

Ngày (date) 25 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Mã QGT: 0066A9B8FADB3D4373BBDE7EE794AA96B7

Đơn vị bán hàng (Seller): TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Mã số thuế (Tax Code): 0100763608

Địa chỉ (Address): Phòng B1-2 Tầng 1 nhà B Đại học Mở Địa Chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02437523043

Email: tttkcnkc1996@gmail.com

Website:

Số tài khoản (A/C No):

Tại (At):

Họ tên người mua hàng (Buyer): Vũ Anh Tuấn

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Mã số thuế (Tax code): 0101919181

Địa chỉ (Address): Toà nhà B15 khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No): 000799888888 - Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long - PGD. Hoàng Mai - TP Hà Nội

STT (No.)	Tên hàng hóa dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Thực hiện một phần công việc lập báo cáo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 2817/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mở than Đèo Nai theo Hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023 và Biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 25/12/2024				192.702.541
Cộng tiền hàng (Subtotal):					192.702.541
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		15.416.203
Tổng cộng tiền thanh toán (Amount total):					208.118.744

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm linh tám triệu một trăm mười tám nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature & fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature & fullname)

Signature Valid

Ký bởi: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG
NGHỆ KHOÁNG CHẤT
Ký ngày: 25/12/2024

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://newinvoice.com.vn> Mã tra cứu: A3F1CBB20100763608

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

(Công ty Cổ phần Hóa Đơn Điện Tử NEW-INVOICE - MST: 0105937449 - Hotline: 1900 633 651)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
.....o0o.....

BIÊN BẢN THANH LÝ
Hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023

- Căn cứ Hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất về việc thực hiện một phần công việc lập báo cáo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 2817/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mỏ than Đèo Nai;

- Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 25/12/2024.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Đại diện : Ông Nguyễn Hoàng Huân Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền số 06/UQ-VITE ngày 03/01/2024 của Giám đốc công ty.

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.62842542 Fax: 024.62842546

Tài khoản : 000799888888 tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long - PGD. Hoàng Mai - TP Hà Nội

Mã số thuế : 0101919181.

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Đại diện : Ông Tô Xuân Bản Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Phòng B1-2 thuộc Tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng - Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội

Điện thoại : 024.752.3043 Fax:

Tài khoản số : 3100211000523 - tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Từ Liêm - TP Hà Nội

Mã số thuế : 0100763608.

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023 với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc và khối lượng thực hiện:

Bên B đã hoàn thành thực hiện một phần công việc lập báo cáo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 2817/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mỏ

than Đèo Nai theo đúng các nội dung và khối lượng thuộc hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023.

- Bên B đã bàn giao đầy đủ tài liệu theo hợp đồng cho Bên A.

- Hồ sơ đã được bên A nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 25/12/2024.

Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng:

- Giá trị theo hợp đồng: 211.972.795 đồng (đã bao gồm VAT 10%)

- Giá trị thực hiện: 208.118.744 đồng (đã bao gồm VAT 8%)

- Giá trị đã thanh toán: 0 đồng

- Giá trị còn lại phải thanh toán: **208.118.744 đồng**

(Bằng chữ: Hai trăm linh tám triệu, một trăm mười tám nghìn, bảy trăm bốn mươi tư đồng).

Điều 3. Điều khoản chung

- Hai bên thống nhất các nội dung theo biên bản thanh lý hợp đồng này.

- Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng, Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B.

Biên bản thanh lý này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Tô Xuân Bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG, GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH
Về việc thực hiện hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023

I. Căn cứ nghiệm thu

- Hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất về việc thực hiện một phần công việc lập báo cáo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 2817/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mỏ than Đèo Nai;
- Căn cứ Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 đến hết 31/12/2024;
- Biên bản bàn giao tài liệu ngày 02/08/2023.

II. Thời gian, địa điểm, đối tượng nghiệm thu

- Thời gian, địa điểm
 - + Bắt đầu: 9 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 12 năm 2024.
 - + Kết thúc: 11 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 12 năm 2024.
 - + Địa điểm: Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin.
- Đối tượng nghiệm thu: Tài liệu việc thực hiện một phần công việc lập báo cáo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 2817/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mỏ than Đèo Nai theo hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023 của Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất thực hiện.

III. Thành phần nghiệm thu

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

- | | |
|----------------------------|-----------------------|
| - Ông Nguyễn Hoàng Huân | Chức vụ: Phó Giám đốc |
| - Ông Vũ Anh Tuấn | Chức vụ: TP. Địa chất |
| - Ông: Nguyễn Trường Chinh | Chức vụ: TP. TCKT |
| - Ông Nguyễn Văn Minh | Chức vụ: TP. KHĐT |
| - Ông Đào Sơn Tùng | Chức vụ: CNCT |

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

- | | |
|-------------------|-------------------|
| - Ông Tô Xuân Bản | Chức vụ: Giám đốc |
|-------------------|-------------------|

IV. Nội dung nghiệm thu

4.1 Về khối lượng, chất lượng

- Khối lượng các hạng mục công việc hoàn thành: Bên B đã hoàn thành việc thực hiện một phần công việc lập báo cáo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 2817/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mỏ than Đèo Nai theo đúng hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023. Hồ sơ đã được Cục địa chất Việt Nam thông qua tại văn bản số 2154/ĐCVN-ĐGTD ngày 21/11/2024.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ tài liệu + tài liệu số.
- Chất lượng hồ sơ: Đảm bảo theo quy định hiện hành
- Tiến độ thực hiện: Thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

4.2 Về giá trị

- Giá trị hợp đồng: 211.972.795 đồng (đã bao gồm VAT 10%)

Căn cứ Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 đến hết 31/12/2024. Hai bên thống nhất áp dụng thuế GTGT cho giá trị nghiệm thu là 8%;. Cụ thể:

- Giá trị thực hiện: 208.118.744 đồng (đã bao gồm VAT 8%)

(Bằng chữ: Hai trăm linh tám triệu, một trăm mười tám nghìn, bảy trăm bốn mươi tư đồng).

Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

V. Kết luận

- Bên A đồng ý nghiệm thu khối lượng, giá trị công việc do bên B thực hiện theo Hợp đồng số 178/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/6/2023.

Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Tô Xuân Bản

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 25/12/2024)

[illegible]

DANH SÁCH BẢN VẼ

STT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ	Ký hiệu	Ghi chú
1	Mặt cắt địa chất tuyến VIII	1:2000	BCKKĐN - 03	
2	Mặt cắt địa chất tuyến VIIIA	1:2000	BCKKĐN - 04	
3	Mặt cắt địa chất tuyến IX	1:2000	BCKKĐN - 05	
4	Mặt cắt địa chất tuyến IXa	1:2000	BCKKĐN - 06	
5	Mặt cắt địa chất tuyến XI	1:2000	BCKKĐN - 07	
6	Mặt cắt địa chất tuyến XII	1:2000	BCKKĐN - 08	
7	Mặt cắt địa chất tuyến XIII	1:2000	BCKKĐN - 09	
8	Mặt cắt địa chất tuyến XIV	1:2000	BCKKĐN - 10	
9	Mặt cắt địa chất tuyến XVII	1:2000	BCKKĐN - 11	
10	Mặt cắt địa chất tuyến XVIIa	1:2000	BCKKĐN - 12	
11	Mặt cắt địa chất tuyến XX	1:2000	BCKKĐN - 13	
12	Mặt cắt địa chất tuyến XXII	1:2000	BCKKĐN - 14	
13	Mặt cắt địa chất tuyến XXIV	1:2000	BCKKĐN - 15	
14	Mặt cắt địa chất tuyến XXVI	1:2000	BCKKĐN - 16	
15	Mặt cắt địa chất tuyến XXVIII	1:2000	BCKKĐN - 17	
16	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.II2(1)	1:2000	BCKKĐN - 25	
17	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.II1	1:2000	BCKKĐN - 26	
18	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I3f	1:2000	BCKKĐN - 27	
19	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I3e	1:2000	BCKKĐN - 28	
20	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I3d	1:2000	BCKKĐN - 29	
21	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I3c	1:2000	BCKKĐN - 30	
22	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I3b	1:2000	BCKKĐN - 31	
23	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I3a	1:2000	BCKKĐN - 32	
24	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I2c	1:2000	BCKKĐN - 33	
25	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I2c	1:2000	BCKKĐN - 34	
26	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I2b	1:2000	BCKKĐN - 35	
27	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I2a	1:2000	BCKKĐN - 36	
28	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I1b	1:2000	BCKKĐN - 37	
29	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via G.I1a	1:2000	BCKKĐN - 38	
30	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via PV.6b	1:2000	BCKKĐN - 39	
31	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via PV.4c	1:2000	BCKKĐN - 40	
32	Bình đồ đồng đẳng trụ và phân khối trữ lượng, tài nguyên phân via PV.1a	1:2000	BCKKĐN - 41	